

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-PT

Ngày: 24-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Trịnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2016/ TLPT-HS ngày 13-02-2018 đối với bị cáo Nguyễn Công Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2016/HS-ST ngày 20-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1985 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn MT, xã HĐ, huyện LH, Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công L, sinh năm 1953; con bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1956; Vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1993. Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền sự: Không; Tiền án: Tại bản án số 24/2008/HSST ngày 04/6/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xử phạt 07 năm tù về tội "*Hiếp dâm trẻ em*"; Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Nguyễn Công L, sinh 1953; bà Nguyễn Thị K, sinh 1956; Địa chỉ: Thôn MT, xã HĐ, huyện LH, Lâm Đồng; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Trong vụ án này, bị cáo Đg không kháng cáo; bị cáo T, bị hại anh L kháng cáo đã được xét xử tại Bản án phúc thẩm số 102/2016/HS-PT ngày 14-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 26-8-2014, anh S, bị hại anh L ngồi ăn cháo vịt tại quán của chị K, trong quán có bị cáo Đ, bị cáo T đang ngồi uống bia bàn bên cạnh. Trong quá trình ngồi ăn uống, bị hại anh L nói chủ quán đổi bát khác vì bát bị sứt và nói tiếp “*nếu bát này ở nhà thì L đập bể hết*”. Nghe vậy, bị cáo T nói với bị cáo Đ “*anh không thích kiểu vậy*”, bị cáo Đ nói đánh thì bị cáo T nói “*đánh chết nó đi*”, bị cáo Đ điện thoại gọi cho em trai mình là bị cáo Đg đến quán để đánh nhau. Do bị cáo Đg đang ngồi uống cà phê với một người tên T, nên rủ T đi cùng, trước khi đi bị cáo Đg lấy 01 cây tuýp sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 03cm ở tiệm mua phế liệu khu lò gạch (*thôn TL, xã ĐĐ*), sau đó bị cáo Đg gọi điện thoại cho anh N nhờ gọi Taxi để đi. Khi đến quán chị K gặp bị cáo Đ, bị cáo T được ra hiệu là bàn ngồi bên kia, bị cáo Đg, T qua sau đó bị cáo Đg dùng chân đá vào anh S, nên anh S bỏ chạy về nhà, còn bị hại anh L bỏ chạy đến trước nhà mua phế liệu Mai Đây nhưng bị các bị cáo Đg, Đ và anh T đuổi theo, bị hại anh L lấy thanh sắt ở tiệm phế liệu ném về phía nhóm của bị cáo Đ rồi bỏ chạy được khoảng 05m thì bị vấp ngã, bị cáo Đg cầm tuýp sắt đánh nhiều cái vào chân, vai, bị cáo Đ và T mỗi người cầm một con dao dài khoảng 40cm, cán gỗ lưỡi sắt màu đen lấy ở quán bà K lao vào chém vào người bị hại anh L nhiều nhất, sau đó nhóm của bị cáo Đ bỏ đi, còn bị hại anh L được mọi người đưa đi cấp cứu.

Tại kết luận giám định số 50/2015/TgT ngày 10-02-2015 của Trung tâm pháp y Lâm Đồng kết luận bị hại anh L bị các thương tích “*vết thương vai trái 08cm, vết thương vai sau bên phải dài 06cm, vết thương mặt ngoài đùi phải 17 cm, vết thương cẳng chân phải 03cm*”; tỷ lệ thương tật 19%.

Quá trình điều tra, đã thu giữ 01 cây tuýp sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 03cm. Đối với vật chứng 01 con dao (*dài khoảng 40cm, cán gỗ lưỡi sắt màu đen, sóng lưỡi hình răng cưa*) bị cáo Đg, bị cáo Đ sử dụng gây thương tích vết tại chỗ, không thu hồi được. Đối với con dao đối tượng tên T sử dụng, hiện nay chưa xác định được nhân thân lai lịch nên không xác định được con dao ở đâu.

Tại Bản án số 36/2016/HS-ST ngày 20-6-2016 của Tòa án huyện Lâm Hà tuyên bố các bị cáo T, bị cáo Đ, bị cáo Đg phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 53 33; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (*sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 1999*). Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Đg 36 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 18/2016/HSST ngày 19-4-2016. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 60 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 06-10-2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; 53, 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Bị cáo Nguyễn Công Đ 30 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53, 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Bị cáo Trần Hoàng T 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án giải quyết về bồi thường, xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

- Ngày 30-6-2016 bị cáo T kháng cáo xin được hưởng án treo;

- Ngày 04-7-2016 bị cáo Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 05-7-2016 bị hại anh L kháng cáo đề nghị cho bị cáo T được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 1 (ngày 14-9-2016), bị hại anh L đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ. Bản án phúc thẩm số 102/2016/HSPT ngày 14-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T, Chấp nhận kháng cáo của bị hại anh L; sửa bản án sơ thẩm; xử:

- Tuyên bố các bị cáo T, bị cáo Đ phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng Khoản 2 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Khoản 2 Điều 104; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt Tuấn 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 61/2017/HS-GĐT ngày 05-12-2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh; hủy một phần bản án phúc thẩm số 102/2016/HSPT ngày 14-9-2016 của Tòa án tỉnh Lâm Đồng; đối với bị cáo Đ; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe bị liệt không đi lại được; đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn vợ chồng ông L, bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 20 giờ ngày 26-8-2014, tại quán cháo vịt của chị K, giữa các bị cáo T, bị cáo Đ với bị hại không có mâu thuẫn, trong khi đó chỉ vì không thích nghe bị hại anh L, anh S nói tục, nên bị cáo T đã đề xuất việc đánh bị hại anh L thì Đ đồng ý, bị cáo Đ gọi điện thoại rủ thêm bị cáo Đg tham gia, nên bị

cáo Đg lấy 01 cây tuýp sắt (dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 03cm ở tiệm mua phế liệu khu lò gạch) làm hung khí đánh bị hại anh L, còn bị cáo bị cáo Đ, đối tượng tên T cầm con dao cán gỗ, lưỡi sắt dài khoảng 40cm lấy ở quán bà K chém bị hại anh L nhiều nhất. Hậu quả của hành vi bị hại anh L bị thương tích “*vết thương vai trái 08cm, vết thương vai sau bên phải dài 06cm, vết thương mặt ngoài đùi phải 17 cm, vết thương cẳng chân phải 03cm*” với tỷ lệ thương tật 19%. Đối chiếu lời khai giữa các bị cáo, lời khai bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận giám định thương tích; cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Đối bị cáo Đg đã được xét xử tại bản án sơ thẩm số 36/2016/HSST ngày 20-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà; sau khi xét xử bị cáo Đg không kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, nên không đề cập.

Đối với bị cáo Tuấn đã được xét xử tại bản án sơ thẩm số 36/2016/HS-ST ngày 20-6-2016 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà; Bản án phúc thẩm số 102/2016/HSPT ngày 14-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, nên không đề cập.

[2] Xét hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” theo điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*tương ứng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015*); Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên cũng đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*tương ứng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015*). Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*tương ứng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015*). Cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, xử phạt bị cáo với mức 30 tháng tù là thỏa đáng.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thể hiện bị cáo xuất trình chứng cứ mới “*đã bồi thường*” cho bị hại số tiền 8.000.000đ/14.165.500đ thuộc trường hợp tình tiết mới và được áp dụng tình tiết quy định điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*tương ứng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015*).

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; bị cáo Đ được tại ngoại, bị cáo tham gia giao thông thì bị tai nạn với tình trạng thương tích “*chấn thương sọ não, liệt tứ chi, loét xương cụt*”, liệt tứ chi, đi lại dùng xe lăn; không tự phục vụ sinh hoạt của bản thân, cha mẹ bị cáo (ông L, bà K phải chăm sóc giúp bị cáo vệ sinh cá nhân và các sinh hoạt khác. Bên cạnh đó, qua xác minh thể hiện vợ bị cáo (chị T) đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Do vậy, với tình trạng bệnh của bị cáo thuộc trường hợp “*người phạm tội mắc bệnh*

hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa”, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 29 của Bộ luật hình sự năm 2015 để miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 2 Điều 104; các Điểm b, p khoản 1, 2 khoản 2 Điều 46 (tương ứng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015); Điểm g khoản 1 Điều 48 (tương ứng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015); Điểm b khoản 2 Điều 29 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Công Đ.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Công Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TA huyện Lâm Hà;
- VKS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS Lâm Hà;
- Bị cáo (để thi hành);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Kim Đồng